

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024**

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT)

I/ THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên trường (theo quyết định mới nhất): **Trường Tiểu học Tuấn Việt.**

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tân Hưng, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.
- Địa chỉ trụ sở phụ: Thôn Cam Đông xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
- Số điện thoại: 03203729695
- Địa chỉ thư điện tử: truongtieuhoctuanviet@gmail.com
- Cổng thông tin điện tử: <http://kt-thtuanviet.haiduong.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

- Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân huyện Kim Thành

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu:

4.1. Mục tiêu:

Trường Tiểu học Tuấn Việt đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương nói riêng, huyện Kim Thành nói chung. Trong xu thế hội nhập nền kinh tế quốc tế đòi hỏi cần có con người Việt Nam sáng tạo, năng động, có kỹ năng sống, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Với tinh thần đó, trường TH Tuấn Việt xây dựng “**Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2020 -2025 và tầm nhìn đến năm 2030**” nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình xây dựng và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Hiệu trưởng cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường.

Xây dựng và triển khai Kế hoạch chiến lược của trường Tiểu học Tuấn Việt giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXV (nhiệm kỳ 2020-2025, Đại hội đảng bộ xã Tuấn Việt lần thứ I (nhiệm kỳ 2020-2025) góp phần đưa sự nghiệp giáo dục xã Tuấn Việt phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Mục tiêu xây dựng đầu nhiệm kỳ là xây dựng trường tiểu học đạt Chuẩn QG mức độ 2; nay điều chỉnh cho sát tình hình thực tế của địa phương là xây dựng trường tiểu học Chuẩn QG mức độ 1.

4.2. Tầm nhìn

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục. Học sinh được phát triển toàn diện về năng lực và phẩm chất.

4.3. Sứ mệnh

Tạo dựng môi trường học tập thân thiện, thu hút được 100% trẻ đến trường để mỗi học sinh đều có cơ hội được học tập, được rèn luyện, phát triển toàn diện nhân cách và tư duy sáng tạo. Thực hiện khẩu hiệu: *“Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”*.

4.4. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường

- *Tình thương yêu* - *Lòng nhân ái* - *Tinh thần trách nhiệm*
- *Lòng tự trọng* - *Tính trung thực* - *Sự hợp tác*
- *Tinh sáng tạo* - *Đoàn kết* - *Khát vọng vươn lên*

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân nhà trường là do sáp nhập 2 trường tiểu học đó là trường tiểu học Tuấn Hưng và trường tiểu học Việt Hưng, được thành lập theo quyết định số 6257/QĐ-UBND của UBND huyện Kim Thành ngày 19/12/2019.

Dù mới thành lập, trường còn nhiều khó khăn, thiếu thốn nhưng nhà trường đã tổ chức tốt phong trào thi đua "Hai tốt", hoàn thành nhiệm vụ chính trị của mình, được cấp ủy, chính quyền, nhân dân địa phương tin tưởng. Trường tiểu học Tuấn Việt có cơ sở vật chất đạt yêu cầu của trường Chuẩn quốc gia mức độ I với tổng diện tích là 14.568 m². Trường có 02 điểm trường, điểm trường thôn Tân Hưng và điểm trường thôn Cam Đông.

Từ năm học 2020 - 2021 đến nay, cả hai điểm trường luôn ổn định công tác tổ chức và quản lý. Các tổ chức chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở, Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh hằng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hội đồng trường, Hội đồng thi đua, khen thưởng và các hội đồng tư vấn hoạt động hiệu quả. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động nền nếp. Hằng năm, nhà trường đều rà soát quy mô trường lớp, tỷ lệ huy động trẻ vào lớp 1 theo Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường và được UBND huyện ra Quyết định giao kế hoạch phát triển giáo dục. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường được kiện toàn, bổ sung đủ về cơ cấu có trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu giai đoạn hiện nay; luôn nhiệt tình, trách nhiệm, hoàn thành nhiệm vụ năm học; chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương.

Nhà trường luôn quan tâm đổi mới công tác quản lý, phát huy tính dân chủ, phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Chế độ thông tin, báo cáo luôn được thực hiện nghiêm túc. Quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất cũng như thực hiện nghiêm túc công tác quản lý tài chính. Nhà trường thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành. Đồng thời lưu giữ đầy đủ hồ sơ sổ sách phục vụ công tác quản lý của nhà

trường. Nhà trường chỉ đạo các hoạt động giáo dục học sinh theo chương trình GDPT 2018 (TT32/20218). Hàng năm, hai điểm trường đều triển khai hiệu quả công tác tập huấn chuyên môn, bồi dưỡng lý luận chính trị để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho CBGVNV; có các biện pháp tích cực để cải thiện nâng cao đời sống cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Tổ chức và duy trì tốt phong trào thi đua trong từng năm học, động viên cán bộ giáo viên, nhân viên tích cực hưởng ứng tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động. Nhà trường xây dựng các kế hoạch hoạt động cụ thể chi tiết từng lĩnh vực, có kế hoạch kiểm tra, quản lý các lĩnh vực theo quy định. Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm và các hội thi, xây dựng môi trường giáo dục xanh- sạch- đẹp, an toàn, hiệu quả. Đội ngũ CBGVNV nhà trường có tư cách đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh. Trình độ chuyên môn đạt trên 90% Đại học sư phạm(còn lại diện phải học nâng chuẩn đều đang học). Các CBGV,NV luôn đoàn kết, nhất trí, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, thực sự là tấm gương cho học sinh noi theo, thi đua dạy tốt, nâng cao chất lượng dạy và học.

Học sinh ngoan, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể như múa hát, khiêu vũ,...; Học sinh có nề nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động như học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động ...

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Đồng Thị Hương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Tuấn Việt, xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Số ĐT: 03202 729695

7. Tổ chức bộ máy:

Stt	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Số điện thoại
1	Đồng Thị Hương	Hiệu trưởng	0989425899
2	Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Hiệu trưởng	0979728405
3	Vũ Văn Đông	Phó Hiệu trưởng	0983643369
4	Phạm Thị Hoa	Tổ trưởng tổ 4, 5	0372871118
5	Vũ Thị Mai	Tổ trưởng tổ 2,3	0979335211
6	Phạm Thị Phượng	Tổ trưởng tổ 1	0962595269
7	Nguyễn Thị Ngọc	Tổ trưởng tổ VP	0974986605

8	Nguyễn Hà Vi	Bí thư Đoàn TN	0969962621
9	Nguyễn Thị Kim Khuê	Chủ tịch CĐ	0975782681

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên;

- Chức năng

Trường Tiểu học Tuấn Việt là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

- Nhiệm vụ, quyền hạn

Nhà trường có các nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

+ Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

+ Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động trẻ em khuyết tật, trẻ em đã bỏ học đến trường, thực hiện phổ cập giáo dục và chống mù chữ trong cộng đồng. Nhận bảo trợ và giúp các cơ quan có thẩm quyền quản lý các hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền. Tổ chức kiểm tra và công nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và trẻ em trong địa bàn trường được phân công phụ trách;

+ Xây dựng, phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương;

+ Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục;

+ Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh;

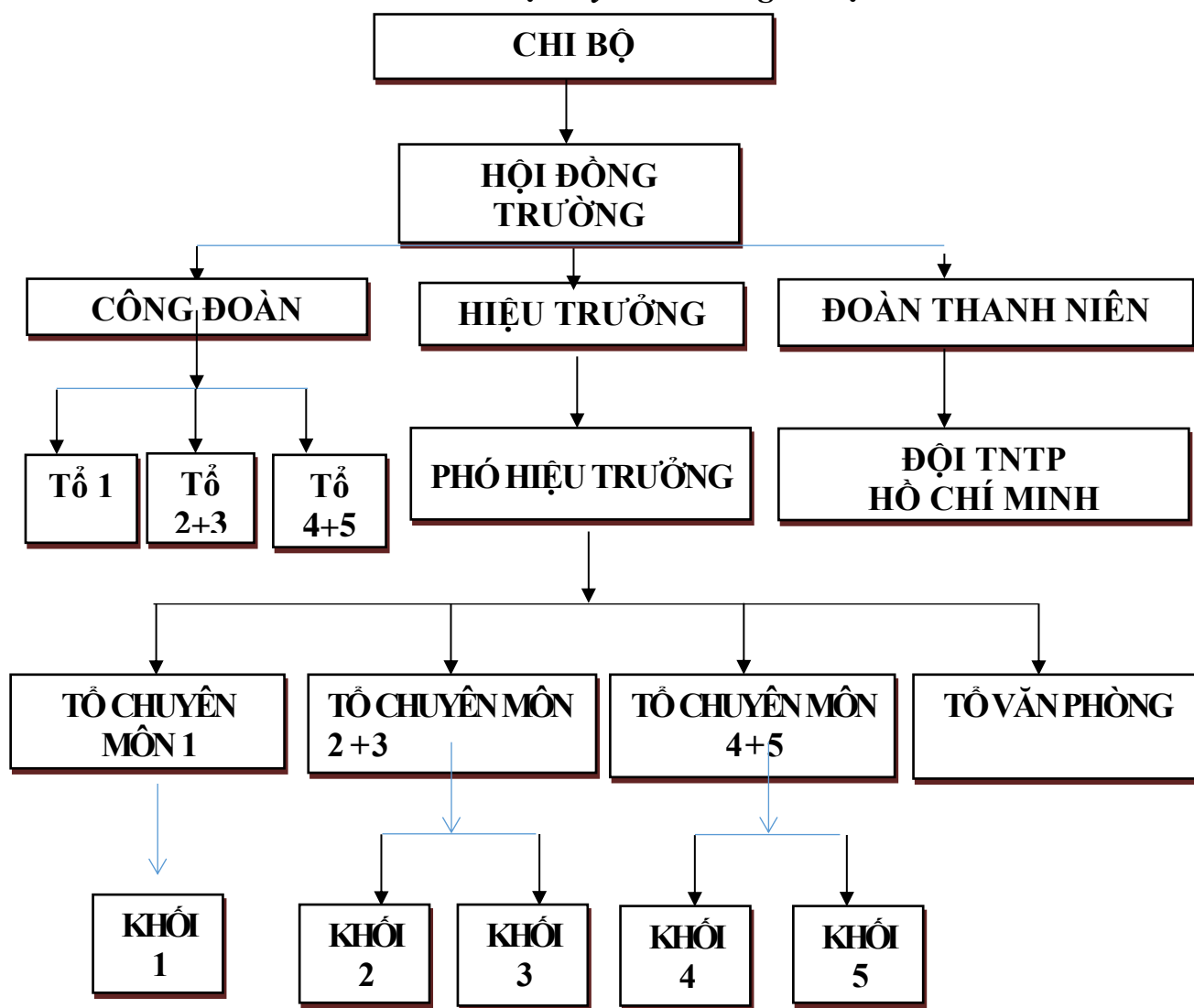
+ Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật;

+ Phối hợp với gia đình, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện hoạt động giáo dục;

+ Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng;

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (*Điều 3, Điều lệ trường Tiểu học năm 2020*)

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục



8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

II: ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Chưa đạt	Đạt	Khá	Tốt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	47	0	0	43	2	1	3	0	16	22	5	0	1	10	32
I	Giáo viên	40	0	0	38	2	0	0	0	16	21	3		1	10	29
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	11														
1	Tiếng dân tộc															
2	Ngoại ngữ	3	0	0	3	0	0	0		2	1	0			1	2
3	Tin học	2			2					2	0					2
4	Âm nhạc	2			1	1					1	1				2
5	Mĩ thuật	2			1	1				1	1				1	1
6	Thể dục	2			1	1				1	1					2
II	Cán bộ quản lý	3	0	0	3	0	0	0	0	0	1	2	0	0	0	3
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1
2	Phó hiệu trưởng	2	0	0	2	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	2
III	Nhân viên	4														
1	Nhân viên văn thư															
2	Nhân viên kế toán	1				1										
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế	1					1									
5	Nhân viên thư viện	2			2											
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm															
7	Nhân viên công nghệ															
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật															
9	Nhân viên bảo vệ	0						0								
10	Nhân viên phục vụ	0														

III: CƠ SỞ VẬT CHẤT

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Đối sánh với chuẩn
I	Tổng diện tích đất (m²)			
1	Diện tích đất	14.568 m ²	12,62 m ² /HS	Đạt
	Trong đó điểm Cam Đông	5.120 m ²	16,7 m ² /HS	Đạt
	Điểm Tân Hưng	9.448 m ²	11,1 m ² /HS	Đạt
II	Số phòng học/số lớp	34/34		
III	Loại phòng học			
1	Phòng học kiên cố	31		Đạt

2	Phòng học bán kiên cố	03		Đạt
3	Phòng học tạm	0		
4	Phòng học nhờ, mượn	0		
IV	Số điểm trường lẻ	01		
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	6.850 m ²	5,9 m ² /HS	Đạt
VI	Tổng diện tích các phòng	2.205 m ²		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.632 m ²	52,6 m ² /HS	Đạt
2	Diện tích thư viện (m ²)	95 m ²		Đạt
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	2P =(48 + 72) m ²		Đạt
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	3P = 144 m ²		Đạt
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	2P =96 m ²		Đạt
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	95 m ²		Đạt
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	24 m ²		Đạt
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	2P = 93 m ²		Đạt
10	Diện tích phòng Phó hiệu trưởng (m ²)	2 P = 50 m ²		Đạt
11	Diện tích phòng y tế (m ²)	2P = 50 m ²		Đạt
12	Phòng nghỉ giáo viên (m ²)	24 m ²		Đạt
13	Diện tích phòng giáo viên (m ²)	48 m ²		Đạt
14	Diện tích phòng hiệu trưởng (m ²)	24 m ²		Đạt
15	Diện tích phòng đoàn thể (m ²)	24 m ²		Đạt
16	Diện tích phòng họp (m ²)	72 m ²		Đạt
17	Diện tích phòng khoa học và công nghệ (m ²)	24 m ²		Đạt
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)			
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định			
1.1	Khối lớp 1	Bộ chữ dạy TV: 07; Bộ chữ học vần BD: 07; Bộ mẫu chữ viết: 07; Bộ thiết bị DH Toán: 07	1 bộ/ 1 lớp	Đạt
1.2	Khối lớp 2	Bộ chữ dạy TV: 07; Bộ chữ học vần BD: 07; Bộ mẫu chữ viết: 07; Bộ thiết bị DH Toán: 07; Bộ tranh TNXH: 07	1 bộ/ 1 lớp	Đạt

1.3	Khối lớp 3	Bộ chữ cái TV: 07; Bộ thiết bị DH Toán: 07; Bộ tranh đạo đức: 07; Bộ tranh TNXH: 07	1 bộ/ 1 lớp	Đạt
1.4	Khối lớp 4	Bộ thiết bị HH dạy phân số: 07; Bộ TB dạy hình phẳng và hình khối: 07; Bộ tranh LS-ĐL: 07; Bộ thí nghiệm KH: 07; Bộ lắp ghép KT: 07	1 bộ/ 1 lớp	Đạt
1.5	Khối lớp 5	Bộ thiết bị HH dạy phân số: 06; Bộ TB dạy hình phẳng và hình khối: 06; Bộ tranh LS-ĐL: 06; Bộ mạch điện môn KH: 06; Bộ lắp ghép KT: 06	1 bộ/ 1 lớp	Đạt
2	Tổng số sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục	Tên sách	Tên bộ sách	Đạt
2.1	Khối lớp 1	Tiếng Việt 1 - Tập 1	Bộ: Cánh diều	
		Tiếng Việt 1 - Tập 2	Bộ: Cánh diều	
		Toán 1	Bộ: Cánh diều	
		Tự nhiên xã hội 1	Bộ: Cánh diều	
		Đạo đức 1	Bộ: KNTT	
		Âm nhạc 1	Bộ: Cánh diều	
		Mĩ thuật 1	Bộ: VSBD	
		Hoạt động trải nghiệm 1	Bộ: Cánh diều	
		Giáo dục thể chất 1	Bộ: Cánh diều	
		Tiếng Anh 1 - SHS	Global Success	
		Tiếng Anh 1 - SBT	Global Success	
2.2	Khối lớp 2	Tiếng Việt 2, tập một	Bộ: KNTT	
		Tiếng Việt 2, tập hai	Bộ: KNTT	
		Toán 2, tập một	Bộ: KNTT	
		Toán 2, tập hai	Bộ: KNTT	
		Tự nhiên và Xã hội 2	Bộ: Cánh diều	
		Đạo đức 2	Bộ: KNTT	
		Âm nhạc 2	Bộ: KNTT	
		Mĩ thuật 2	Bộ: CTST	
		Hoạt động trải nghiệm 2	Bộ: Cánh diều	
		Giáo dục thể chất 2	Bộ: Cánh diều	
		Tiếng Anh 2 - SHS	Global Success	
		Tiếng Anh 2 - SBT	Global Success	

2.3	Khối lớp 3			
		Tiếng Việt 3 tập một	Bộ: KNTT	
		Tiếng Việt 3 tập hai	Bộ: KNTT	
		Toán 3 - Tập một	Bộ: Cánh diều	
		Toán 3 - Tập hai	Bộ: Cánh diều	
		Tự nhiên và Xã hội 3	Bộ: Cánh diều	
		Công nghệ 3	Bộ: Cánh diều	
		Tin học 3	Bộ: Cánh diều	
		Đạo đức 3	Bộ: Cánh diều	
		Mĩ thuật 3	Bộ: CTST	
		Âm nhạc 3	Bộ: KNTT	
		Hoạt động trải nghiệm 3	Bộ: Cánh diều	
		Giáo dục thể chất 3	Bộ: Cánh diều	
		Tiếng Anh 3 - Tập 1	Global Success	
		Tiếng Anh 3 - Tập 2	Global Success	
		Tiếng Anh 3 - Sách bài tập	Global Success	
2.4	Khối lớp 4			
		Tiếng việt 4 - Tập 1	Bộ: Cánh diều	
		Tiếng việt 4 - Tập 2	Bộ: Cánh diều	
		Toán 4 - Tập 1	Bộ: Cánh diều	
		Toán 4 - Tập 2	Bộ: Cánh diều	
		Tin học 4	ĐH Vinh	
		Khoa học 4	Bộ: Cánh diều	
		Lịch sử và Địa lí 4	Bộ: Cánh diều	
		Âm nhạc 4	Bộ: KNTT	
		Công nghệ 4	Bộ: Cánh diều	
		Đạo đức 4	Bộ: Cánh diều	
		Mĩ thuật 4 (Bản 1)	Bộ: CTST	
		Hoạt động trải nghiệm 4	Bộ: Cánh diều	
		Giáo dục thể chất 4	Bộ: Cánh diều	
		Tiếng Anh 4 - Tập 1	Global Success	
		Tiếng Anh 4 - Tập 2	Global Success	
Tiếng Anh 4 - SBT	Global Success			
2.5	Khối lớp 5			
		Toán 5/1	Bộ: Cánh diều	
		Toán 5/2	Bộ: Cánh diều	
		Tiếng Việt 5/1	Bộ: Cánh diều	
		Tiếng Việt 5/2	Bộ: Cánh diều	
		Tin học 5	Bộ: Cánh diều	
		Khoa học 5	Bộ: Cánh diều	
		Lịch sử và Địa lí 5	Bộ: Cánh diều	
Công nghệ 5	Bộ: Cánh diều			

		Đạo đức 5	Bộ: Cánh diều	
		Âm nhạc 5	Bộ: KNTT	
		Mĩ thuật 5 (Bản 1)	Bộ: CTST	
		Hoạt động trải nghiệm 5	Bộ: Cánh diều	
		Giáo dục thể chất 5	Bộ: Cánh diều	
		Tiếng Anh 5 - Tập 1	Global Success	
		Tiếng Anh 5 - Tập 2	Global Success	
		Tiếng Anh 5 - SBT	Global Success	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	2 học sinh/ 1bộ	Đạt

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	Số lượng	Số thiết bị/ lớp	
1	Ti vi	34	1 chiếc/ 1 lớp	Đạt
2	Cát xét	0		
3	Đầu Video/đầu đĩa	0		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1		Đạt
5	Máy tính xách tay	4		Đạt
6	Máy vi tính văn phòng	11		Đạt
7	Máy in + Phô tô	1		Đạt
8	Máy in Canon 2900	10		Đạt

	Nội dung	Số lượng (m²)
X	Nhà bếp	30 m ²
XI	Nhà ăn	500 m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	54 m ²	120	0,45m ² /chỗ
XIII	Khu nội trú			

	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	2	4	0,05	0,1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	

XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Trường rào xây	x	

IV/ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

- Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

1.1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1,2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		<i>Mức 1</i>	<i>Mức 2</i>	<i>Mức 3</i>
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		X	X	

Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		X	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	X
Tiêu chí 3.3		X	X	
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	X
Tiêu chí 5.5		x	x	X

Kết quả:

- Số tiêu chí đạt mức 1: 27/27

- Số tiêu chí đạt mức 2: 27/27

- Số tiêu chí đạt mức 3: 3/27

1. 2. Kết luận: Trường đạt KĐCL cấp độ 2

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

Trường chưa đánh giá ngoài

Dự kiến đánh giá ngoài quý 1 năm 2025.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng hằng năm.

Trong năm học tới, nhà trường đẩy mạnh hơn nữa việc đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh, dạy học sát đối tượng, áp dụng các kỹ thuật dạy học mới để nâng cao chất lượng đại trà.

Tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, làm tốt công tác phối hợp với phụ huynh trong việc giáo dục học sinh; đặc biệt quan tâm công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, nâng cao chất lượng mũi nhọn, phần đầu có nhiều học sinh đạt giải cao trong các kì thi, các cuộc giao lưu các cấp.

Có kế hoạch phù hợp để bồi dưỡng giáo viên về phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục; tăng cường chuyên đề đổi mới phương pháp giáo dục; tiếp tục xây dựng điều kiện CSVC trong phòng học, sân chơi, khuôn viên nhà trường, đáp ứng việc tổ chức các hoạt động giáo dục được phong phú và đa dạng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình GDPT 2018.

V/KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Kết quả tuyển sinh	1169	227	230	260	222	230
II	Tổng số học sinh	1176	228	232	262	222	232
III	Số học sinh bình quân/lớp	35	33	33	37	37	33
IV	Số học sinh nam/nữ	611/565	123/105	126/106	130/132	120/102	110/120
V	Số học sinh dân tộc	0	0	0	0	0	0
VI	Số học sinh khuyết tật	11	2	2	1	1	5
VII	Số học sinh chuyển đến						
VIII	Số học sinh chuyển đi						
IX	Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
X	Đánh giá theo năng lực						
1	Theo TT 22						
1.1	Tự phục vụ, tự quản						
	Tốt						203

	Đạt						24
	Cần cố gắng						0
1.2	Hợp tác						
	Tốt						201
	Đạt						26
	Cần cố gắng						0
1.3	Tự học và giải quyết vấn đề						
	Tốt						182
	Đạt						42
	Cần cố gắng						0
2	Theo TT 27						
2.1	Năng lực chung						
2.1.1	Tự chủ tự học						
	Tốt	716	178	170	205	163	
	Đạt	224	48	61	56	59	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
2.1.2	Giao tiếp và hợp tác						
	Tốt	721	171	167	210	173	
	Đạt	219	55	64	51	49	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
2.1.3	Giải quyết vấn đề và sáng tạo						
	Tốt	668	148	163	196	161	
	Đạt	272	78	68	65	61	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
2.2	Năng lực đặc thù						
2.2.1	Ngôn ngữ						
	Tốt	656	146	174	178	158	
	Đạt	281	77	57	83	64	
	Cần cố gắng	3	3	0	0	0	
2.2.2	Tính toán						
	Tốt	670	153	174	182	161	
	Đạt	267	70	57	79	61	
	Cần cố gắng	3	3	0	0	0	
2.2.3	Khoa học						
	Tốt	658	139	173	177	169	
	Đạt	70	87	58	84	53	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
2.2.4	Công nghệ						
	Tốt	329			162	167	
	Đạt	154			99	55	
	Cần cố gắng	0			0	0	
2.2.5	Tin học						
	Tốt	324			161	163	
	Đạt	159			100	59	

	Cần cố gắng	0			0	0	
2.2.6	Thăm mĩ						
	Tốt	626	130	163	167	166	
	Đạt	314	96	68	94	56	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
2.2.7	Thể chất						
	Tốt	633	130	164	175	164	
	Đạt	307	96	67	86	58	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
XI	Đánh giá theo phẩm chất (tỷ lệ so với tổng số)						
1	Theo TT 22						
1.1	Chăm học, chăm làm						
	Tốt						191
	Đạt						36
	Cần cố gắng						0
1.2	Tự tin, trách nhiệm						
	Tốt						201
	Đạt						26
	Cần cố gắng						0
1.3	Trung thực, kỷ luật						
	Tốt						204
	Đạt						23
	Cần cố gắng						0
1.4	Đoàn kết, yêu thương						
	Tốt						204
	Đạt						23
	Cần cố gắng						0
2	Theo TT 27						
2.1	Yêu nước						
	Tốt	870	212	204	256	198	
	Đạt	70	14	27	5	24	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
2.2	Nhân ái						
	Tốt	856	210	205	248	193	
	Đạt	84	16	26	13	29	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
2.3	Chăm chỉ						
	Tốt	775	187	195	228	165	
	Đạt	165	39	36	33	57	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
2.4	Trung thực						
	Tốt	825	205	205	242	173	
	Đạt	115	21	26	19	49	

	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
2.5	Trách nhiệm						
	Tốt	793	186	205	233	169	
	Đạt	147	40	26	28	53	
	Cần cố gắng	0	0	0	0	0	
XII	Số học sinh chia theo kết quả học tập (tỷ lệ so với tổng số)						
1	Hoàn thành Xuất sắc	417	88	89	80	68	92
2	Hoàn thành tốt	9	3	2	0	1	3
3	Hoàn thành	736	131	140	181	153	131
4	Chưa hoàn thành	4	4	0	0	0	0
XIII	Tổng hợp kết quả cuối năm (tỷ lệ so với tổng số)	98,3	100	100	100	100	100
1	Lên lớp						
a	Trong đó: Học sinh được khen thưởng cấp trường	417	88	89	80	68	92
b	Học sinh được cấp trên khen thưởng						
2	Ở lại lớp	4	0	0	0	0	0
3	Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học						232

IV/ KẾT QUẢ CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NĂM HỌC 2023 - 2024

(Ban hành kèm theo QĐ 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

V.v thực hiện Quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán NS)

I	Ngân sách cấp	8,526,000,000	NS năm 2024
1	Ngân sách chi thường xuyên	8,442,000,000	
2	Ngân sách chi không thường xuyên	84,000,000	
II	Phân thu từ học sinh	4,577,938,916	
1	Bảo hiểm y tế học sinh	613,040,400	
2	Sổ liên lạc điện tử	67,170,000	
3	Nước uống	70,766,500	
4	Bán trú	2,190,985,000	
5	Học 2 buổi/ngày	858,310,016	

6	Tiền học Tiếng Anh	154,000,000	
7	Tiền học Kỹ năng sống	472,060,000	
8	vệ sinh	118,667,000	
9	Xe đạp	32,940,000	
III	Phân tài trợ	212,820,000	
1	Tài trợ từ phụ huynh học sinh, cá nhân, doanh nghiệp	212,820,000	
B	QUYẾT TOÁN CHI		
I	Ngân sách cấp	8,526,000,000	
a	Ngân sách chi thường xuyên	8,442,000,000	
1	Chi thanh toán cá nhân	7,815,585,189	
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	573,967,011	
3	Chi khác	52,447,800	
b	Ngân sách chi không thường xuyên	84,000,000	
1	chi khác	84,000,000	
II	Phần chi từ học sinh		
1	Bảo hiểm y tế học sinh	613,040,400	
2	Bảo hiểm thân thể học sinh	260,250,000	
3	Số liên lạc điện tử	67,170,000	
	- Thanh toán tin nhắn điện tử cho trung tâm VNPT	67,170,000	
4	Nước uống tinh khiết	70,766,500	
	- Thanh toán tiền nước uống cho công ty Hải Hà	70,766,500	
5	Bán trú	2,190,985,000	

	- Chi tiền ăn	1,839,115,826	
	- Chi trông trưa, quản lý, csvc	351,869,174	
6	Học 2 buổi/ngày	858,310,016	
	- Chi 80% cho giáo viên trực tiếp dạy	686,648,013	
	- Chi cho quản lý, csvc(20%)	171,662,003	
7	Học tiếng Anh Victoria	154,000,000	
	- Nộp trả công ty Asean (89%)	137,060,000	
	- Nộp thuế TNDN, QLGV,CSVC (11%)	16,940,000	
8	Học Kỹ năng sống	472,060,000	
	- Nộp trả Trung tâm 80%	377,648,000	
	- Nộp thuế TNDN, QLGV, CSVC (20%)	94,412,000	
9	Vệ sinh	118,667,000	
	- Thanh toán tiền công dọn vệ sinh	108,000,000	
	- Thanh toán tiền mua lau sàn thuốc tẩy vệ sinh dụng cụ khác.	10,667,000	
10	Xe đạp	32,940,000	
	- Thanh toán tiền công	26,352,000	
	- Nộp thuế TNDN,QL,CSVC	6,588,000	
III	Phân tài trợ	212,820,000	
	Bàn ghế 2 mặt bán trú	95,550,000	
	Tủ lớp học	56,250,000	
	Thanh toán làm mái tôn sân khấu Tân Hưng	61,020,000	

--	--	--	--

VII: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch

- Công tác Y tế trường học được thực hiện tốt.
- Ban chăm sóc Sức khỏe y tế trường học thường xuyên triển khai các văn bản hướng dẫn về công tác phòng ngừa dịch bệnh trong học sinh nhất là dịch thủy đậu, sốt xuất huyết...

- Thường xuyên nhắc nhở dưới cờ và tình hình dịch và những biện pháp phòng tránh, trang phục học sinh, mùa đông và mùa hè.

- Thường xuyên bổ sung những loại thuốc thiết yếu phục vụ học sinh. Tham mưu tổ chức khám sức khỏe cho học sinh toàn trường và lập sổ theo dõi thông báo kịp thời đến phụ huynh những học sinh có sức khỏe không tốt để kịp thời điều trị.

- Thực hiện tốt công tác VS ATTP.

2. Về các phong trào hoạt động khác:

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ;

- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.

- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống dịch bệnh.

- Thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phong trào ủng hộ “ Đông ấm vùng cao”, mua tấm ủng hộ Hội người mù huyện Kim Thành.

- + Tặng quà HS có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp đầu năm học, kết thúc HKI, Tết Nguyên đán, cuối năm học. Miễn giảm tiền học 2 buổi/ngày cho HS HCKK có xác nhận của UBND xã Tuấn Việt.

** Công tác hiến máu tình nguyện:*

Tổ chức tuyên truyền, vận động cán bộ, công nhân viên trường tham gia hiến máu tình nguyện.

3. Công tác phối hợp với cha mẹ học sinh:

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy dỗ và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.

4. Công tác bán trú và chăm sóc sức khỏe học sinh:

- Thực hiện tốt nề nếp bán trú, đảm bảo chế độ ăn hợp lý, phong phú, VSAT thực phẩm; hàng tuần công khai thực đơn và định lượng bữa ăn của học sinh.

- Có đầy đủ đội ngũ phục vụ, nhân viên cấp dưỡng và chăm sóc được khám sức khỏe, tập huấn nghiệp vụ.

- Khu chế biến sạch sẽ, được giám sát thường xuyên, thực đơn được công khai hàng ngày.

- Công tác thu chi được kiểm tra, giám sát, quyết toán qua tài khoản.

5. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh

hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.

- 100% giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học. Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.

- Chi bộ trường có 38 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

6. Đầu tư cơ sở vật chất:

- Thay mới 5 bảng cho các lớp học.

- Mua 13 tủ lớp học, mua 42 bộ bàn ghế 2 mặt, mua mới 10 máy tính hỏng cho 2 phòng tin học.

- Xây dựng nhà Hiệu bộ; xây 6 phòng lớp học.

7. Công tác quản lý:

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra HDSP của giáo viên. Tăng cường trật tự kỉ cương, nề nếp trong trường.

- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Thực hiện tốt việc quản lí tài chính phần mềm kế toán; thu chi theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về Quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Hướng dẫn số 1507/SGDDĐT- KHTC ngày 19/11/2021 của Sở Giáo dục Đào tạo về việc miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; quản lí, sử dụng học phí và các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Công văn 538/SGDDĐT-KHTC ngày 16/5/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thu, chi tiền học 2 buổi/ngày ở tiểu học; bám sát quy chế chi tiêu nội bộ; đảm bảo thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Quản lí CB-GV-NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.

- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL Ngành đảm bảo tiến độ.

- Thực hiện tốt đánh giá viên chức hàng tháng trên hệ thống phần mềm.

- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.

- Không có cá nhân bị kỷ luật.

- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.

- Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

Kết luận: Nhà trường đã cải tiến công tác thi đua, cụ thể hóa tiêu chuẩn thi đua thành bảng điểm để các tổ thảo luận và cùng thực hiện. Thực hiện các đợt, phong trào thi đua ngay từ đầu năm học tạo không khí hăng say học tập, làm việc của các thầy

cô và học sinh. Dựa vào tiêu chí, nội dung, thang điểm thi đua của trường; các công văn hướng dẫn trường tổ chức họp xét duyệt thi đua theo quy định.

* *Kết quả:* - Trường: Tập thể lao động Tiên tiến

- Danh hiệu Cá nhân:

+ Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 7 đ/c; Lao động tiên tiến: 36 CBGV, NV

+ UBND huyện tặng giấy khen: 5 đ/c

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2023-2024 của trường Tiểu học Tuấn Việt (theo mẫu 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, có hiệu lực thi hành từ ngày 19/7/2024)/.

Tuấn Việt, ngày 30 tháng 8 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



The stamp is circular with a red border. The outer ring contains the text 'HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH TỈNH HÀI DƯƠNG' and a star at the bottom. The inner circle contains the text 'TRƯỜNG TIỂU HỌC TUẤN VIỆT'. A blue ink signature is written over the stamp.

Đông Thị Hương